

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU

(Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hiểu được công dụng của ba loại dấu kết thúc câu : dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than ;

– Biết tự phát hiện ra và sửa các lỗi về dấu kết thúc câu trong bài viết của mình và của người khác ;

– Có ý thức cao trong việc dùng các dấu kết thúc câu.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Các dấu câu được phân thành hai loại : dấu đặt cuối câu và dấu đặt trong câu. Các dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than là các dấu đặt cuối câu.

Dấu chấm dùng đặt cuối câu trần thuật.

Dấu chấm hỏi dùng đặt cuối câu nghi vấn.

Dấu chấm than dùng đặt cuối câu cầu khiến hoặc cuối câu cảm thán.

(Cuối câu cầu khiến còn có thể dùng dấu chấm. So sánh :

– *Nam giúp tớ với !*

– *Nam giúp tớ với.*)

2. Cần lưu ý là HS rất dễ mắc lỗi về dấu câu khi sử dụng câu trần thuật có chứa phần nghi vấn. Ví dụ :

Nó hỏi tôi mai có đi chơi với nó không.

Đây là câu trần thuật, cuối câu phải đặt dấu chấm, nhưng vì câu có từ nghi vấn nên HS rất dễ đặt dấu chấm hỏi. Đặt như vậy là không đúng. Tuy nhiên, nếu đó là lời dẫn trực tiếp thì lại cần đặt dấu chấm hỏi :

Nó hỏi tôi : "Mai có đi chơi với tớ không ?".

3. Dấu câu có vai trò quan trọng trong khi viết câu. Nếu không đặt dấu khi viết hết câu, hoặc đặt dấu sai, câu viết sẽ sai, trở nên không trong sáng, khó hiểu. Ví dụ :

– *Mưa đã ngớt. Trời rạng dần. Máy con chim chào mào từ hốc cây nào đó bay ra hót râm ran.* (đặt dấu chấm đúng)

– *Mưa đã ngớt trời. Rạng dần máy con chim chào mào từ hốc cây nào đó. Bay ra hót râm ran.* (đặt dấu chấm sai)

Đặt các dấu khác nhau sẽ làm ý nghĩa của câu khác nhau. Ví dụ :

– *Bạn Nam học giỏi.* (trần thuật khẳng định)

– *Bạn Nam học giỏi ?* (ngghi vấn, có phần phủ định sự học giỏi của Nam)

– *Bạn Nam học giỏi !* (thán phục)

v.v...

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Tìm hiểu công dụng của dấu chấm, chấm hỏi, chấm than.

1.

– Cho HS phân tích, xác định câu nào là câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán để đặt dấu câu cho phù hợp.

a) *Ôi thôi, chú mày ơi (!) Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.*

b) *Con có nhận ra con không (?)*

c) *Cá ơi giúp tôi với (!) Thương tôi với (!)*

d) *Giời chớm hè (.) Cây cối um tùm (.) Cả làng thơm (.)*

– Lí do đặt dấu câu như trên :

Dấu chấm dùng đặt cuối câu trần thuật.

Dấu chấm hỏi dùng đặt cuối câu nghi vấn.

Dấu chấm than dùng đặt cuối câu cầu khiến hoặc cuối câu cảm thán.

2. Cho HS phân tích để thấy cách dùng đặc biệt của các dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

a) Câu 2 và câu 4 đều là câu cầu khiến, nhưng cuối các câu ấy đều dùng dấu chấm. Đó là một cách dùng đặc biệt của dấu chấm.

b) Dấu chấm hỏi và dấu chấm than đặt trong ngoặc đơn để thể hiện thái độ nghi ngờ hoặc châm biếm đối với nội dung của một từ ngữ đứng trước hoặc với nội dung cả câu. Đây là cách dùng đặc biệt của các dấu câu này.

3. Cho HS đọc thầm rồi nêu lại nội dung *Ghi nhớ*.

Hoạt động 2. Chữa một số lỗi thường gặp về dấu câu.

1. Việc dùng dấu chấm để phân tách lời nói thành các câu khác nhau có tác dụng giúp người đọc hiểu đúng ý nghĩa của câu (xem thêm điều lưu ý II.3 trên đây).

a) Câu 2 :

"Đệ nhất kì quan Phong Nha" nằm trong một quần thể hang động thuộc khối núi đá vôi Kẻ Bàng ở miền tây Quảng Bình (,) có thể tới Phong Nha rất dễ dàng bằng hai con đường.

Việc dùng dấu phẩy làm cho câu này thành một câu ghép có hai vế, nhưng hai vế câu không liên quan chặt chẽ với nhau. Do vậy, dùng dấu chấm ở đây để tách thành hai câu là đúng.

b) Câu 1 :

Nơi đây vừa có nét hoang sơ, bí hiểm (.) Lại vừa rất thanh thoát và giàu chất thơ.

Việc dùng dấu chấm để tách thành hai câu là không hợp lí, làm cho phần vị ngữ thứ hai bị tách khỏi chủ ngữ, nhất là khi hai vị ngữ được nối với nhau bằng cặp quan hệ từ vừa... vừa... Do vậy, dùng dấu chấm phẩy hoặc phẩy ở đây là hợp lí :

Nơi đây vừa có nét hoang sơ, bí hiểm (;) lại vừa rất thanh thoát và giàu chất thơ.

2. So sánh các câu trong hai ví dụ a và b để xem có dấu câu nào không phù hợp với kiểu câu mà nó đi kèm, chẳng hạn, dấu chấm hỏi hay dấu chấm than đặt vào câu trần thuật... (xem thêm điều lưu ý 2, 3 trên đây).

a) Dấu chấm hỏi ở cuối câu 1 và câu 2 sai vì đây không phải là các câu hỏi.

b) Câu 3 : "*Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gất um lên !*" là câu trần thuật nên đặt dấu chấm than cuối câu này là không đúng.

Hoạt động 3. Làm bài tập. (Tuỳ theo thời gian còn lại, GV lần lượt cho HS làm các bài tập trong SGK.)

IV – GỢI Ý GIẢI MỘT SỐ BÀI TẬP

Bài tập 1

GV cho HS tự làm bài (HS có thể dùng bút chì gạch chéo vào chỗ hết câu, cần đặt dấu chấm). Sau đó, cho HS trao đổi bài với nhau, rồi lên chữa trên bảng lớp.

– Dấu chấm cần đặt sau các từ ngữ dưới đây :

+ ... *sông Lương*.

+ ... *đen xám*.

+ ... *đã đến*.

+ ... *toả khói*.

+ ... *trắng xoá*.

Bài tập 2

Trước tiên phải xác định câu nào là câu nghi vấn, câu nào không phải là câu nghi vấn. Câu không phải là câu nghi vấn mà đặt dấu chấm hỏi là sai.

– *Bạn đã đến thăm động Phong Nha chưa ?* (đúng)

– *Chưa ?* (sai, phải thay bằng dấu chấm vì đây là câu trần thuật) *Thế còn bạn đã đến chưa ?* (đúng)

– *Minh đến rồi. Nếu tới đó, bạn mới hiểu vì sao mọi người lại thích đến thăm động như vậy ?* (sai, phải thay bằng dấu chấm vì đây là câu trần thuật)

v.v...

Bài tập 3

Muốn đặt đúng dấu chấm than, phải xác định trong các câu đã cho, câu nào là câu cảm thán hoặc cầu khiến.

a) *Động Phong Nha thật đúng là "đệ nhất kì quan" của nước ta !*

b) *Chúng tôi xin mời các bạn hãy đến thăm động Phong Nha quê tôi.*

c) *Động Phong Nha còn cất giữ bao điều huyền bí, thú vị, hấp dẫn mà con người vẫn chưa biết hết.*

Bài tập 4

Để đặt đúng dấu câu, phải xác định các câu đã cho thuộc kiểu câu nào (trần thuật, nghi vấn, cầu khiến, cảm thán).

– *Mày nói gì ?*

– *Lạ chị, em nói gì đâu !*

Rồi Đế Choắt lủi vào.

– *Chối hả ? Chối này ! Chối này !*

Mỗi câu "Chối này", chị Cốc lại giáng một mỏ xuống.

Bài tập 5

Chính tả. Chú ý những từ ngữ dễ viết sai của HS ở địa phương.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Xem tr. 155.